

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/DS-PT

Ngày 30 - 3 - 2021

V/v tranh chấp về dân sự -

Thực hiện nghĩa vụ trả nợ

do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21/12/2020, ngày 22/3/2021 và ngày 30/3/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2020/TLPT- DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp “V/v Tranh chấp về dân sự – Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 416/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đặng Văn P, sinh năm 1960 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Hùng Vương, khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Văn P: Luật sư Ngô Quang T1 - Văn phòng Luật sư T1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Bị đơn: 1. Lãng Thanh T2, sinh năm 1967;

2. Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh năm 1991;

Người đại diện theo ủy quyền của chị D: Bà Lãng Thanh T2, sinh năm 1967 (Văn bản ủy quyền vào ngày 16/7/2020) Có mặt.

3. Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Số nhà 262, đường Hùng Vương, khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2 và chị A : Bà Trịnh Thị V, sinh năm 1994 (Có mặt). Địa chỉ liên hệ: Số nhà 965/42c, đường Quang Trung, phường 14, quận F, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền vào ngày 20/11/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lăng Thanh T2: Luật sư Võ Văn T3 - Văn phòng Luật sư T3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Thị B, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Hùng Vương, khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Kháng cáo: Bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A là bị đơn của vụ án.

- Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện vào ngày 09/01/2020 và Đơn yêu cầu thay đổi nội dung đơn khởi kiện vào ngày 05/5/2020 của ông Đặng Văn P; Các biên bản lấy lời khai của đương sự đối với ông Đặng Văn P của Tòa án nhân dân huyện T; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông P trình bày:

Vào ngày 15/01/2018, ông Nguyễn Thành Trí D1 (Chồng bà T2) có vay của ông P số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) để sử dụng vào mục đích kinh doanh: Mua máy gặt lúa. Theo thỏa thuận, ông D1 phải trả lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng cho ông P. Đến ngày 10/9/2018, ông D1 có trả cho ông P được số tiền vốn là 150.000.000 đồng và 06 tháng lãi suất với số tiền là 18.000.000 đồng.

Đến khoảng tháng 05/2019, ông Nguyễn Thành Trí D1 bị tai nạn giao thông chết. Do số tiền còn lại ông D1 chưa trả nên ông P có đến gặp bà Lăng Thanh T2 (Vợ ông Dũng) để bàn bạc việc trả số nợ còn lại của ông D1 nhưng bà T2 không đồng ý trả số nợ trên.

Nay ông Đặng Văn P yêu cầu bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thành Trí D1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông P số tiền vay còn lại là 350.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 10/9/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

* Theo Văn bản ý kiến vào ngày 11/02/2020 của bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A ; Các biên bản lấy lời khai của đương sự đối với bà Lăng Thanh T2 và chị Nguyễn Ngọc A ; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà T2, chị D, chị A có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà T2, chị D và chị A không đồng ý có trách nhiệm thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thành Trí D1 trả cho ông P số tiền vốn vay là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 10/9/2018. Bởi vì, ông D1 không có vay tiền của ông P. Nếu ông D1 vay tiền của ông P thì ông P phải cho bà T2 và các con của bà T2 và ông D1 biết ngay từ đầu, không phải đợi khi ông D1 bị tai nạn chết ông P mới yêu cầu bà T2 và chị D, chị A cùng trả nợ.

Theo biên nhận ông P cung cấp cho Tòa án, bà T2 thừa nhận do ông Nguyễn Thành Trí D1 viết và ký tên. Nhưng bà T2 nghĩ biên nhận này không phải tiền vay mà là số tiền làm ăn giữa ông P với ông D1 đã ghi nhận trong việc làm ăn, chia tiền qua lại giữa hai bên. Biên nhận này không phải do ông P cho ông D1 vay tiền.

* Theo Văn bản tường trình vào ngày 20/5/2020 của bà Trần Thị B; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà B trình bày: Bà B thống nhất theo lời trình bày của ông P, không có trình bày ý kiến bổ sung.

* Ý kiến, trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Lăng Thanh T2:

- Về quan hệ pháp luật của vụ án: Lời trình bày của vợ chồng ông P không thống nhất đối với số tiền tranh chấp. Ông P cho rằng, số tiền 500.000.000 đồng thể hiện tại Biên nhận ngày 15/01/2018 là tiền hùn vốn. Bà B cho rằng, số tiền nói trên là tiền vay, có lãi suất.

Đối với một giao dịch dân sự, về chủ thể mà không có người giao tiền nên không có căn cứ để Tòa sơ thẩm xét xử có việc vay mượn giữa ông D1 và ông P.

- Về nội dung: Biên nhận ngày 15/01/2018 không ghi mục đích của số tiền do ông D1 nhận là 500.000.000 đồng.

Thể hiện tại Biên nhận có số tiền 150.000.000 đồng mà bà B cho rằng ông D1 đã thanh toán nhưng không thể hiện lãi suất là không hợp lý. Bên cạnh đó, phần hưởng di sản thừa kế của bà T2 nhiều hơn chị D và chị A.

Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc bà T2 cũng như chị D, chị A có trách nhiệm trả nợ bằng nhau là hoàn toàn chưa đúng. Và lại, ông P cũng chưa đủ điều kiện khởi kiện đối với vụ án này.

Từ các phân tích nói trên, đề nghị: Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà T2, chị D và chị A. Đồng thời, hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

* Ý kiến, trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Đặng Văn P:

Biên nhận ngày 15/01/2018 được bà T2 và chị D, chị A thừa nhận do ông D1 ký và viết họ tên. Nay bà T2 cho rằng, không biết có đúng chữ ký và chữ viết của ông D1 nhưng bà T2 không cung cấp được giấy tờ, tài liệu do ông D1 viết, ký tên để giám định. Từ đó cho thấy, bà T2 không có đầy đủ chứng cứ chứng minh.

Biên nhận ngày 15/01/2018 (Bản chính) do chính tay ông D1 viết từ một cuốn sổ, ông P và bà B đã lấy biên nhận ra từ cuốn sổ nói trên.

Tuy bản án của Tòa sơ thẩm đã tuyên có ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn và tách trách nhiệm trả nợ nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của những người thừa kế di sản của ông Dũng.

Từ các phân tích nói trên, đề nghị: Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông Đặng Văn P.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 06/2020/DS-ST, ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đặng Văn P.

2. Buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thành Trí D1 là bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Thành Trí D1 trả cho ông Đặng Văn P số tiền gốc và lãi 417.200.000 đồng.

Cụ thể như sau:

Bà Lăng Thanh T2 phải thanh toán cho ông Đặng Văn P số tiền là 139.067.000 đồng.

Chị Nguyễn Ngọc Thùy D phải thanh toán cho ông Đặng Văn P số tiền là 139.067.000 đồng.

Chị Nguyễn Ngọc A phải thanh toán cho ông Đặng Văn P số tiền là 139.067.000 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do ông Đặng Văn P thuộc trường hợp được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Nên không đặt vấn đề xử lý.

Bà Lăng Thanh T2 phải chịu 6.953.000 đồng (Sáu triệu chín năm mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Ngọc Thùy D phải chịu 6.953.000 đồng (Sáu triệu chín năm mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu 6.953.000 đồng (Sáu triệu chín năm mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 09/9/2020, bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D, chị Nguyễn Ngọc A là bị đơn của vụ án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 24/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị đối với Bản án số 06/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D, chị Nguyễn Ngọc A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án số 06/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 và đình chỉ vụ án.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị sửa bản án sơ thẩm. Buộc bà Lăng Thanh T2 người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thành Trí D1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Thành Trí D1 trả cho ông Đặng Văn P số tiền gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 64.400.000 đồng; Hoặc: Buộc bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A liên đới trả cho ông P số tiền gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi 64.400.000 đồng.

Xem xét về tính án phí và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[1] Biên nhận nợ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P xuất trình một biên nhận (Bản chính) có nội dung: ***“Tôi: Ng Thành Trí D1***

Có nhận số tiền: 500.000.000 đ

(Năm trăm triệu đồng)

Ngày nhận: 15/1/2018

Người nhận (ký tên)

D1”.

Tại Tòa cấp sơ thẩm, bà T2 thừa nhận chữ viết và chữ ký biên nhận nói trên do ông D1 viết và ký tên.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, bà T2 không thừa nhận chữ viết và chữ ký biên nhận nói trên do ông D1 viết và ký tên. Bà T2 yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông Dũng. Bà T2 thống nhất cung cấp mẫu chữ ký, chữ viết của ông D1 nhưng quá thời hạn Hội đồng xét xử ấn định mà bà T2 không cung cấp mẫu chữ ký, chữ viết của ông D1 để Tòa án tiến hành giám định theo quy định của pháp luật.

[2] Quá trình tranh chấp và yêu cầu khởi kiện:

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã xác định: Ông Nguyễn Thành Trí D1, sinh năm 1967 đã chết vào ngày 11/5/2019 do tai nạn giao thông.

Ông P trình bày: Sau ngày 10/9/2018, khi ông D1 trả cho ông số tiền vốn là 150.000.000 đồng, ông P đã yêu cầu ông D1 trả nợ nhiều lần nhưng ông D1 chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Đến khi ông D1 chết, ông P có đến gặp bà T2 để thỏa thuận việc thanh toán số tiền vốn 350.000.000 đồng còn lại nhưng bà T2 không đồng ý. Tuy nhiên, ông P không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này.

Bà T2, chị D, chị A không đồng ý với trình bày của ông P và cho rằng: Số tiền 500.000.000 đồng là sự ghi nhận tiền làm ăn giữa ông P và ông D1, không phải do ông D1 vay tiền của ông P. Sau khi ông D1 chết, ông P không có đến gặp bà T2 và gia đình bà T2 để thỏa thuận về việc thanh toán số tiền còn nợ là 350.000.000 đồng.

Do đó, vào ngày 09/01/2020 ông Đặng Văn P đã khởi kiện và yêu cầu bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D, chị Nguyễn Ngọc A thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông D1 chưa thanh toán.

Bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

[3] Xét kháng cáo của bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A :

Bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do ông Đặng Văn P không đủ điều kiện khởi kiện.

Xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Văn P xác định: Biên nhận ngày 15/01/2018 là hợp đồng hùn vốn làm ăn giữa ông D1 và ông P. Riêng bà Trần Thị B (Vợ ông P) xác định: Biên nhận ngày 15/01/2018 là hợp đồng vay tiền giữa ông D1 và ông P, bà B.

Tuy nhiên, Biên nhận ngày 15/01/2018 không thể hiện nội dung cụ thể số tiền 500.000.000 đồng mà ông D1 nhận là khoản tiền có mục đích gì, chủ nợ hoặc ai là người giao số tiền nói trên cho ông D1. Số tiền 500.000.000 đồng do ông D1 nhận là có thật và phía ông P và bà B đang quản lý bản chính của Biên nhận nói trên thể hiện ông D1 có nhận số tiền 500.000.000 đồng. Biên nhận không thể hiện nội dung là tiền vay hay là tiền hùn vốn nên Hội đồng xét xử xác định: Số tiền 500.000.000 đồng là tài sản do ông P, bà B đã giao cho ông D1 và ông D1 chưa thanh toán đầy đủ số tiền nói trên cho ông P, bà B.

Bà T2, chị D và chị A cho rằng: Đây là khoản tiền thông qua giao dịch, làm ăn giữa ông D1 và ông P, ông P đã giao tiền cho ông D1 nên có biên nhận giao, nhận tiền ngày 15/01/2018. Nhưng bà T2, chị D và chị A không có giấy tờ, tài liệu và chứng cứ để chứng minh số tiền 500.000.000 đồng mà ông D1 đã nhận ngày 15/01/2018 do ông P giao cho ông D1 thuộc khoản tiền nào, mục đích và hợp

đồng, thỏa thuận ra sao; Và ngoài ông P ra, ông D1 còn có hùn vốn, làm ăn, hợp đồng, giao dịch với người nào khác nữa.

Vì vậy, việc Tòa cấp sơ thẩm buộc bà T2, chị D và chị A có trách nhiệm trả cho ông P số tiền 350.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp.

Ông P không chứng minh được số tiền 500.000.000 đồng do ông D1 nhận là số tiền vay nên Hội đồng xét xử xem xét đến việc tính lãi suất của Tòa cấp sơ thẩm. Việc tính lãi sẽ được xem xét kể từ ngày ông P khởi kiện là ngày 09/01/2020 đến ngày Tòa cấp sơ thẩm xét xử là tháng 08/2020, mức lãi suất cơ bản được quy định là 0,75%/tháng. Cụ thể:

$$350.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 21.000.000 \text{ đồng.}$$

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:

Theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với Bản án số 06/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T có nội dung:

Buộc bà Lăng Thanh T2 người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thành Trí D1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Thành Trí D1 trả cho ông Đặng Văn P số tiền gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 64.400.000 đồng. Hoặc tuyên xử buộc bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A liên đới trả cho ông P số tiền gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi 64.400.000 đồng, cần xem xét về tính án phí và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Xét thấy: Bà Lăng Thanh T2 và ông Nguyễn Thành Trí D1 là vợ chồng.

Bà T2 và ông D1 có 02 con chung: Chị Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1995.

Tòa cấp sơ thẩm không xác định hàng thừa kế hợp pháp đối với di sản của ông Nguyễn Thành Trí D1 cụ thể như thế nào nên tách trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông D1 là chưa phù hợp. Vì vậy, Kháng nghị của Viện kiểm sát về trách nhiệm thanh toán nợ là có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận xét nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A kháng cáo và yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ, không phù hợp nên không chấp nhận.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[5] Những sai sót của Tòa cấp sơ thẩm:

+ Chấp nhận yêu cầu của ông P: Buộc bà T2, chị D và chị A có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Thành Trí D1 trả cho ông Đặng Văn P số tiền gốc và lãi 417.200.000 đồng nhưng lại tuyên tách trách nhiệm trả nợ cho ông P của những người thuộc hàng thừa kế di sản của ông D1 là chưa phù hợp.

Trường hợp, Tòa cấp sơ thẩm tuyên tách trách nhiệm trả nợ của bà T2, chị D và chị A thì Tòa chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

+ Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ và phân tích cụ thể đối với chứng cứ của vụ án là Biên nhận ngày 15/01/2018. Điều này dẫn đến việc quyết định bản án sơ thẩm thiếu chính xác.

Đối với những sai sót nói trên, Tòa án cấp sơ thẩm cần khắc phục và rút kinh nghiệm.

Từ những nhận xét và phân tích, Hội đồng xét xử: Sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D, chị Nguyễn Ngọc A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đặng Văn P phải chịu số tiền 2.170.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do ông P là người cao tuổi.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lăng Thanh T2 là chưa có căn cứ, không phù hợp nên không chấp nhận đề nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Văn P chỉ có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần đề nghị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A. Buộc bà T2, chị D và chị A có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông P số tiền vốn lãi là 414.400.000 đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chỉ có căn cứ và phù hợp một phần nên chấp nhận một phần đề nghị.

Chấp nhận một phần của Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với Bản án số 06/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 148, Điều 293, Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 166, Điều 468, Điều 613, Điều 614, Điều 615, Khoản 3 Điều 623, Khoản 1 Điều 651 và Khoản 8 Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A .

- Chấp nhận một phần Kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với Bản án số 06/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn P.

2. Buộc bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A , là những người thừa kế của ông Nguyễn Thành Trí D1 có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Thành Trí D1 để trả cho ông Đặng Văn P số tiền vốn lãi là 371.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án xong.

3. Về án phí:

- Ông Đặng Văn P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 18.550.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lăng Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc Thùy D và chị Nguyễn Ngọc A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Lăng Thanh T2 được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008804 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Ngọc Thùy D được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008805 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Ngọc A được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008803 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.T;
- Chi cục THADS H.T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Liên Hiệp